

Bản án số: 05/2020/HSST
Ngày 11/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đức Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

- Ông Nguyễn Đức Thắng - Hạt Trưởng Hạt Kiểm Lâm huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Duy – Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/HSST- QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 28 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Nguyễn Trọng L** - Sinh ngày: 20/5/1969. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn P, xã P, huyện C, Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/10. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Trọng L, Sinh năm: 1908 và con bà Nguyễn Thị N, Sinh năm: 1912 (cả 2 đều đã chết). Có vợ là Nguyễn Thị L, Sinh năm: 1969 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Nguyễn Văn C** - Sinh ngày: 18/5/1988. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 7, xã L, huyện P, B. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Văn K, Sinh năm: 1964 và con bà Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1964. Có vợ là Trần Thị H, Sinh năm: 1989 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **Trần Văn K** - Sinh ngày: 17/1/1989. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn P, xã P, huyện C, Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn

hóa: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông Trần Văn Đ, Sinh năm: 1967 và con bà Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1967. Có vợ là Trịnh Thị Lan H, Sinh năm: 1990 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án: 01 tiền án về tội đánh bạc ngày 15/9/2017 Tòa án huyện Chương Mỹ, Hà Nội xử 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hòa Bình. (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, TP Hà Nội. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Chị Trịnh Thị Lan H - Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, TP Hà Nội. (Có mặt)

3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, TP Hà Nội. (vắng mặt)

4. Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn Y – xã Đ – huyện C - Hà Nội. (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 7 – xã L – huyện P - Bình Phước. (vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn 1 – xã Đ – huyện C - Hà Nội. (vắng mặt)

7. Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện C, TP Hà Nội. (Có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Đặng Nguyên P, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 2, khu X, TT X, huyện C - Hà Nội. (vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị Nguyệt H, sinh năm 1990. Cư trú tại: Tân Mai – TT X – huyện C - Hà Nội. (vắng mặt)

3. Ông Bùi Đức T, sinh năm 1958. Cư trú tại: Xóm B, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt)

4. Chị Bùi Thị X, sinh năm 1996. Cư trú tại: Xóm B, xã Tây P, huyện C, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt)

5. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985. Cư trú tại: Xóm N, xã Tây P, huyện C, tỉnh Hòa Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng L, sinh năm 1969, trú tại: Thôn P, xã P, huyện C, Hà Nội và chị Bùi Thị N, sinh năm: 1982, trú tại: xóm Đ, xã D, huyện K, Hòa Bình có quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2013 đến khoảng giữa năm 2018. Do biết L chưa ly hôn với vợ nên giữa chị N và L phát sinh mâu thuẫn, chị N có ý định cắt đứt quan hệ tình cảm với L nên nhiều lần từ chối không gặp L. L đã thuê Trần Văn K; Nguyễn Văn C dùng Axit để hủy hoại nhan sắc thân thể của chị N.

Lần 1:

L mua dung dịch axit *Sunfuric*(H_2SO_4) và một cốc sứ ở cửa hàng tổng hợp, hóa chất tại chợ Đ, huyện C, Hà Nội, sau đó thuê Trần Văn K đi tạt axit vào mặt chị Bùi Thị N với giá 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên K đồng ý, L đưa trước cho K số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và hẹn K Sáng ngày hôm sau sẽ lên Hòa Bình để thực hiện việc tạt axit vào mặt chị N. Khoảng 05h sáng ngày 27/01/2019, K điều khiển xe một tô nhãn hiệu Dream không có biển kiểm soát, còn Lộc điều khiển xe mô tô BKS: 33L7-7436 rồi đi thẳng đến khu vực cầu Tè gần Quốc lộ 6, thuộc địa phận xóm Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Khi đến nơi L đưa cho K một chai dung dịch axit *Sunfuric*(H_2SO_4) được đựng trong vỏ chai bia Hà Nội màu nâu kèm theo một cốc sứ màu trắng và bảo K đứng đợi để tạt axit vào mặt chị N. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, sau khi thấy chị Bùi Thị N điều khiển xe máy một mình đi theo hướng Hòa Bình - Hà Nội gần đến nơi, L đứng bên kia đường ra hiệu cho K biết chị Bùi Thị N sắp đi đến. K liền điều khiển xe mô tô đi theo sau xe chị N, khi đến khu vực dốc Kẽm, thuộc địa phận xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, K điều khiển xe mô tô vượt lên phía bên phải theo hướng đi của chị N rồi dùng tay trái cầm cốc đựng axit hắt thẳng vào đùi phải của chị Bùi Thị N.

Lần 2: Sau khi biết K tạt axit không trúng vào mặt chị N. L tiếp tục tìm thuê người tạt axit vào mặt chị Bùi Thị N. Khoảng đầu tháng 8/2019 Lộc gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 7, xã L, Phú R, Bình Phước là người quen của L (vợ của C là người cùng thôn P với L) và đặt vấn đề muốn thuê C tạt axit vào mặt một người với giá 10 triệu đồng và được C đồng ý. Khoảng 17h ngày 18/8/2019 L điều khiển xe mô tô BKS: 33L7-7436 mang theo túi đựng chai axit *Sunfuric*(H_2SO_4) và cốc sứ màu trắng do L đã chuẩn bị từ trước rồi chở C lên thẳng chỗ chị N đang làm phục vụ thuê ở trạm dừng nghỉ 358 Như Ngọc phố B, xã T, huyện C, Hòa Bình. Khoảng 20h L và C đến nơi và đứng đợi ở gần khu vực trạm dừng nghỉ 358 Như Ngọc, lúc này L có đưa trước cho C số tiền 600.000đ. Đến khoảng 21h thấy có xe khách đi vào và có khách đi xuống, L đưa cho C chai axit được đựng trong vỏ chai bia Hà Nội màu nâu và cốc sứ màu trắng, C mở nắp chai để đổ axit ra nhưng không mở được nên L liền đập vỡ cổ chai đựng axit. Sau đó C đổ axit vào cốc sứ rồi cầm cốc axit đi vào trạm dừng nghỉ N tìm chị N. Khi vào đến khu vực gian bếp của trạm dừng nghỉ thấy chị N đang bê đồ ăn đi ra C đã tạt cốc đựng axit vào thẳng mặt chị N. Khi tạt một phần axit bị hắt về phía sau trúng vào cánh tay trái của bà Nguyễn Thị T cũng là nhân viên phục vụ của trạm dừng nghỉ N, một phần axit đã hắt ngược trở lại vào vùng mặt, cổ, tay của

C. C quay người bỏ chạy, do bị bỏng bởi axit hắt lại vào người nên C đã cởi chiếc áo đang mặc bỏ lại tại trạm dừng nghỉ rồi chạy thẳng ra ngoài đường Quốc lộ 6 nơi L đang đứng chờ, sau đó L điều khiển xe mô tô chở C đi về theo hướng Sơn La - Hà Nội. Trên đường đi C có kêu rát do axit thấm vào da nên L có đưa cho C một áo sơ mi dài tay đã chuẩn trước cho C mặc và dừng lại ở khu vực thị trấn C mua nước cho Cảnh rửa mặt. Sau đó Lộc đưa C vào trạm y tế tại khu vực thị trấn X, huyện C, Hà Nội nhưng không có người trực nên L lại chở C đến bệnh viện huyện C, Hà Nội để xử lý vết thương. Quá trình thăm khám và xử lý các vết thương, bác sỹ có nói vết thương nặng nên đưa bệnh nhân xuống viện bỏng Quốc gia để tiếp tục điều trị. Sợ bị phát hiện nên L chở C về nhà mình lấy quần áo rồi đưa cho C số tiền công 2.700.000đ để C bắt xe ra sân bay nội bài, sau đó C vé máy bay về nhà tại Bình Phước. Sau khi C về đến tỉnh Bình Phước, L tiếp tục chuyển vào tài khoản ngân hàng cho C số tiền công 2.200.000đ. Còn đối với chị N, do bị tạt Axit vào vùng mặt nên chị N được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện tỉnh Hòa Bình sau đó chuyển đến Bệnh viện bỏng quốc gia và Bệnh viện mắt Trung ương điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 228/TgT ngày 30/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hòa Bình kết luận giám định đối với thương tích lần 1 của chị Bùi Thị N do bị tạt axit ngày 27/1/2019 tại khu vực dốc K, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình bị tổn hại: 14% sức khỏe.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 190/TgT ngày 23/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hòa Bình kết luận giám định đối với thương tích lần 2 của chị Bùi Thị N do bị tạt axit ngày 18/8/2019 tại trạm dừng nghỉ 358 N, phố B, xã T, Cao Phong, Hòa Bình bị tổn hại: 68% sức khỏe.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 282/TgT ngày 13/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hòa Bình kết luận giám định đối với thương tích của bà Nguyễn Thị T do bị tạt axit ngày 18/8/2019 tại trạm dừng nghỉ 358 N, phố B, xã T, huyện C, Hòa Bình bị tổn hại: 01% sức khỏe.

Cáo trạng số: 05/CT- VKS- P2 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố Nguyễn Trọng L, Nguyễn Văn C về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm b, điểm d, khoản 4, Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 và Trần Văn K về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của người liên quan, người làm chứng;

Bị hại Bùi Thị N có yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự; cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 27/01/2019; tổn hại 14% sức khỏe.

Yêu cầu Bị cáo Nguyễn Trọng L phải bồi thường:

+ Tiền thuốc điều trị tại viện bỏng 50% của hóa đơn là 5.000.000đ. (còn 50% bị cáo Khanh đã bồi thường).

+ Tiền mất thu nhập hàng tháng là 6.000.000đ x 2,5 tháng = 15.000.000đ.

+ Tiền thương tật và tổn thất về tinh thần 7.450.000đ.

Tổng yêu cầu bị cáo L phải bồi thường lần 1 là: 27.450.000đ. (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

- Lần 2: ngày 18/8/2019; tổn hại 68% sức khỏe.

Yêu cầu Bị cáo Nguyễn Trọng L và bị cáo Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm liên đới bồi thường, cụ thể:

+ Tiền viện phí: 3.979.000đ.

+ Bồi thường thương tật và tổn thất về tinh thần: 74.500.000đ.

+ Tiền mất thu nhập hàng tháng là: 8.000.000đ x 8 tháng = 64.000.000đ.

+ Tiền thuê xe đi cấp cứu: 2.500.000đ.

+ Tiền thuê người chăm sóc: 10.000.000đ.

Tổng cộng lần 2 là: 154.979.000đ. (Một trăm năm tư triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Tính trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo cụ thể là:

1. Yêu cầu Bị cáo L phải bồi thường là: 77.489.500đ (*Bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*). Tổng cộng yêu cầu bị cáo L bồi thường lần 1 và lần 2 là: 27.450.000đ + 77.489.500đ = 104.939.500đ. (*Một trăm linh tư triệu chín trăm ba chín nghìn năm trăm đồng*).

2. Bị cáo C phải bồi thường là: 77.489.500đ (*Bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*) trừ đi số tiền gia đình bị cáo C đã bồi thường là 35.000.000đ. bị cáo C còn phải bồi thường là 42.489.500đ.

Ngoài các khoản trên chị Nhâm có yêu cầu HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Trọng L phải có trách nhiệm nuôi 02 con của chị cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Đối với bị cáo Trần Văn K: Gia đình bị cáo và người bị hại là chị Bùi Thị Nh đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong về trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa người bị hại là chị Nguyễn Thị T có yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu bị cáo Nguyễn Trọng L phải bồi thường về tiền thuốc, tiền tổn thất về tinh thần là 5.000.000đ.

2. Yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường về tiền thuốc, tiền tổn thất về tinh thần là 5.000.000đ.

Ngoài các khoản trên chị T không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ, e, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng L mức án từ 10 đến 11 năm tù.

Áp dụng các điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 7 đến 8 năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn K mức án từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo L, C với bị hại T, giữa bị cáo C với bị hại N. Riêng bị cáo L đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS Điều 590 BLDS buộc bị cáo Lộc phải bồi thường cho bị hại Nhâm theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với 01 phong bì dán kín bên ngoài có dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ công an, bên trong có 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston 16GB Viện kiểm sát xét thấy đây là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C nên cần bảo lưu theo hồ sơ của vụ án. Truy thu để sung công quỹ nhà nước số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) của bị cáo Nguyễn Văn C và số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) của bị cáo Trần Văn K do phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình; Công an huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình; Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX nhận thấy sự vắng mặt của những người trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trọng L, Nguyễn Văn C và Trần Văn K đều khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng và các tài liệu khác Cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Do bức tức vì chị N

có ý định cắt đứt quan hệ tình cảm với L nên nhiều lần từ chối không gặp L. Lộc đã thuê Trần Văn K; Nguyễn Văn C dùng Axit để hủy hoại nhan sắc, thân thể của chị N.

Lần 1:

Lộc mua dung dịch axit *Sunfuric*(H_2SO_4) và một cốc sứ thuê Trần Văn K đi tạt axit vào mặt chị Bùi Thị N với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). K đồng ý, L đưa trước cho K số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và hẹn K lên Hòa Bình để thực hiện việc tạt axit vào mặt chị N. Sáng ngày 27/01/2019, K dùng axit L đưa cho và điều khiển xe mô tô đi theo sau xe chị N, khi đến khu vực dốc K, thuộc địa phận xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, K cầm cốc đựng axit hắt thẳng vào đùi phải của chị Bùi Thị N làm chị N bị tổn hại 14% sức khỏe.

Lần 2: Sau khi biết K tạt axit không trúng vào mặt chị N. L tiếp tục tìm thuê C tạt axit vào mặt chị N với giá 10 triệu đồng. Khoảng 17h ngày 18/8/2019 Lộc điều khiển xe mô tô mang theo túi đựng chai axit *Sunfuric*(H_2SO_4) và cốc sứ rồi chở C lên chỗ chị N đang làm phục vụ thuê ở trạm dừng nghỉ 358 N, phố B, xã T, huyện C, Hòa Bình. Khoảng 20h Lộc và C đến nơi và đứng đợi ở gần khu vực trạm dừng nghỉ 358 N. Đến khoảng 21h thấy có xe khách đi vào và có khách đi xuống, L đưa cho C chai axit được đựng trong vỏ chai bia Hà Nội màu nâu và cốc sứ màu trắng, C đổ axit vào cốc sứ rồi cầm cốc axit đi vào trạm dừng nghỉ N tìm chị N. Khi vào đến khu vực gian bếp của trạm dừng nghỉ thấy chị N đang bê đồ ăn đi ra C đã tạt cốc đựng axit vào thẳng mặt chị N. Khi tạt một phần axit bị hắt về phía sau trúng vào cánh tay trái của bà Nguyễn Thị T cũng là nhân viên phục vụ của trạm dừng nghỉ N làm chị N bị tổn hại 68% sức khỏe và chị T bị tổn hại 01% sức khỏe.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định thương tích, lời khai người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Trọng L, Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm b, d Khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự và Trần Văn K phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là bị nghiêm cấm, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét vai trò của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo K và C thực hiện tội phạm với sự chỉ đạo của bị cáo L, L đã tự mình chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và lên kế hoạch để gây thương tích cho chị Bùi Thị N nên các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Trọng L là người chủ mưu, giữ vai trò chính, là người trực tiếp mua axit và mục đích phạm tội với động cơ đê hèn quyết tâm thực hiện phạm tội đến cùng, lần thứ nhất bị cáo thuê Trần Văn K với mục đích là tạt axit vào mặt của chị N nhưng K chỉ tạt vào đùi nên bị cáo lại tiếp tục thuê Nguyễn Văn C dùng axits để tạt vào mặt của chị N thể hiện tính quyết tâm thực hiện phạm tội của bị cáo,

để thực hiện việc này bị cáo đã tự mình chuẩn bị và lên kế hoạch, sắp đặt công việc và dùng tiền để dụ dỗ mua chuộc bị cáo K và C thực hiện phạm tội theo ý của mình. Hành vi của bị cáo L là rất nghiêm trọng nên cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo C là người trực tiếp thực hiện tội phạm; với vai trò là người thực hành đồng phạm tích cực gây thương tích cho chị N, bị cáo đã dùng axit nguy hiểm tạt thẳng vào mặt của chị N và có nhận tiền công để thực hiện phạm tội. Hành vi của bị cáo C là rất nghiêm trọng nên cũng cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo K là người trực tiếp thực hiện tội phạm; với vai trò là người thực hành đồng phạm gây thương tích cho chị N, bị cáo đã dùng axit nguy hiểm tạt vào đùi của chị N và có nhận tiền công để thực hiện phạm tội. Hành vi của bị cáo K là nghiêm trọng nên cũng cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do bị cáo gây ra.

Do vậy; HĐXX nhận thấy cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định, tương ứng với hậu quả của hành vi từng bị cáo gây ra. Như vậy mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng L:

Trong quá trình điều tra, truy tố xác định bị cáo Lộc đã cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, phạm tội vì động cơ đe dọa, phạm tội 02 lần trở lên. Đây là những tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm đ; e; g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự phải áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố xác định bị cáo K thuộc trường hợp “Tái phạm” đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

- Đối với bị cáo L quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, khi biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện bị cáo đã đầu thú, bị cáo đã vận động gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại với số tiền là 35.000.000đ, người bị hại có đơn đề nghị xin cho bị cáo mức án thấp nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo K. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại với số tiền là 29.000.000đ, người bị

hại có đơn đề nghị xin cho bị cáo mức án thấp nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

5.1. Đối với yêu cầu của bị hại Bùi Thị N:

Yêu cầu Bị cáo Nguyễn Trọng L phải bồi thường tiền thuốc, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần và tiền nuôi con của chị Nhâm đến khi đủ 18 tuổi, cụ thể:

- Lần 1; ngày 27/01/2019; tổn hại 14% sức khỏe.

+ Tiền thuốc điều trị tại viện bỏng 50% của hóa đơn là 5.000.000đ. (còn 50% bị cáo Khanh đã bồi thường). Theo hóa đơn số 004256, ngày 05/3/2019 của viện Bỏng Lê Hữu Trác.

+ Tiền mất thu nhập hàng tháng là 6.000.000đ x 2,5 tháng = 15.000.000đ.

+ Tiền thương tật và tổn thất về tinh thần 7.450.000đ.

Tổng yêu cầu bị cáo Lộc phải bồi thường lần 1 là: 27.450.000đ. (*Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*)

- Lần 2; ngày 18/8/2019; tổn hại 68% sức khỏe.

Yêu cầu Bị cáo Nguyễn Trọng L và bị cáo Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm liên đới bồi thường, cụ thể:

+ Tiền viện phí: 3.979.000đ. Theo hóa đơn số 0129239, ngày 03/9/2019 của Viện mắt Trung Ương.

+ Bồi thường thương tật và tổn thất về tinh thần: 50 tháng lương cơ bản x 1.490.00đ/ tháng = 74.500.000đ.

+ Tiền mất thu nhập hàng tháng là: 8.000.000đ x 8 tháng = 64.000.000đ. Theo xác nhận Bảng lương của Công ty cổ phần Đức Thịnh.

+ Tiền thuê xe đi cấp cứu: 2.500.000đ. Theo hợp đồng cam kết dịch vụ vận chuyển bệnh nhân.

+ Tiền thuê người chăm sóc: 10.000.000đ. Theo đơn xác nhận của chị Nguyễn Thị Sinh.

Tổng cộng lần 2 là: 154.979.000đ. (*Một trăm năm tư triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Cụ thể yêu cầu từng bị cáo phải bồi thường như sau:

Yêu cầu Bị cáo L phải bồi thường là: 77.489.500đ (*Bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*). Tổng cộng yêu cầu bị cáo L bồi thường lần 1 và lần 2 là: 27.450.000đ + 77.489.500đ = 104.939.500đ. (*Một trăm linh tư triệu chín trăm ba chín nghìn năm trăm đồng*).

Yêu cầu bị cáo C phải bồi thường là: 77.489.500đ (*Bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*) trừ đi số tiền bị cáo C đã bồi thường là 35.000.000đ. Nay bị cáo C còn phải bồi thường là 42.489.500đ. Bị cáo đồng ý bồi thường. Bị cáo và bị hại Bùi Thị Nhâm tại phiên tòa đã thống nhất thỏa thuận được tổng số tiền bồi thường còn lại là 42.489.500đ (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Xét thấy các yêu cầu bồi thường của chị Nhâm: Tiền thuốc chữa trị có hóa đơn, tiền thuê xe, tiền công thu nhập hàng tháng, tiền thuê người chăm sóc có biên nhận, hợp đồng, bảng kê lương thu nhập hàng tháng có nguồn gốc rõ ràng đúng quy định,

bồi thường tổn thất tinh thần. HĐXX xét thấy các yêu cầu bồi thường này là hoàn toàn hợp lý nên cần chấp nhận, cụ thể:

Bị cáo L phải bồi thường cho chị Nhâm tổng số tiền: 104.939.500đ. (*Một trăm linh tư triệu chín trăm ba chín nghìn năm trăm đồng*). Xác nhận bị cáo L đã bồi thường cho chị N 4.000.000đ, nay còn phải bồi thường 100.939.500đ (*Một trăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Bị cáo C phải bồi thường cho chị N tổng số tiền 77.489.500đ. Xác nhận bị cáo C đã bồi thường cho chị Bùi Thị N số tiền 35.000.000 đồng, còn lại 42.489.500đ. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận được với nhau số tiền bị cáo đồng ý đền bù là 42.489.500đ. Do đó HĐXX công nhận thỏa thuận giữa bị cáo C và bị hại Bùi Thị N về tổng số tiền bị cáo C còn phải bồi thường cho bị hại Bùi Thị N là: 42.489.500đ. (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Tại phiên tòa chị Nhâm yêu cầu buộc bị cáo Nguyễn Trọng L phải có trách nhiệm nuôi hai con của chị đến khi đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu này HĐXX xét thấy yêu cầu này không có căn cứ nên không chấp nhận.

5.2. Đối với yêu cầu của bị hại Nguyễn Thị T:

Bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Trọng L phải bồi thường về tiền thuốc, tiền tổn thất về tinh thần tổng cộng số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận được mức bồi thường là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

Bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường về tiền thuốc, tiền tổn thất về tinh thần tổng cộng số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thống nhất thỏa thuận được mức bồi thường là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

5.3. Đối với bị cáo Trần Văn K: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền: 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*), người bị hại là chị Bùi Thị N không có yêu cầu gì thêm. HĐXX xác nhận bị cáo K đã bồi thường xong, nên không đề cập.

[6]. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX xét thấy cần tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng L: Một (01) căn cước công dân số: 001069010349 mang tên Nguyễn Trọng L, sinh ngày 20/5/1969.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Một (01) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước điện thoại màu trắng, mặt sau màu vàng. Số hiệu OPPO F1S. Số Imei 1: 86389703638251. Số Imei 2: 86389703668244. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết rạn nứt. Không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong.

Tịch thu tiêu hủy: Một (01) đôi giày màu xanh đen loại có dây buộc, chân đế màu trắng, nút thắt dây thứ hai bên dưới lên của giày bên phải bị đứt. Một (01) quần dài chất liệu vải, màu xám, quần trong tình trạng bình thường. Một (01) áo sơ mi dài tay, chất liệu vải, màu xanh đen loại cúc bấm kim loại, cổ áo có thêu chữ VIP-MEN/Superslimfit màu vàng, áo trong tình trạng bình thường. Một (01) chiếc áo vải cộc tay màu xanh đen. Một (01) túi vải đỏ có dòng chữ "CANIFA". Một (01) tạp dề màu tím. Một (01) áo phông cộc tay màu xanh dương. Một (01) quần vải màu hồng. Một (01) cốc sứ màu trắng bị vỡ thành hai mảnh: một mảnh không rõ hình kích thước chiều dài nhất 10cm,

kích thước đường kính 08cm, một mảnh không rõ hình, kích thước chiều dài nhất 14cm, chiều rộng nhất 07cm. Mẫu máu và tóc thu của Nguyễn Văn Cảnh, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn 7, xã Long Hà, Phú Riềng, Bình Phước.

Bảo lưu theo hồ sơ vụ án (01) phong bì dán kín bên ngoài có dấu tròn đỏ của Viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an, bên trong có 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston 16GB.

[7]. Đối với số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) bị cáo K đã nhận của bị cáo L và số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) bị cáo C đã nhận của bị cáo L để tạt axit chị Bùi Thị Nhâm, HĐXX xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu đối với bị cáo K và bị cáo C.

[8]. Đối với chiếc xe mô tô BKS: 33L7-7436; Đây là tài sản của Nguyễn Trọng L, sau khi thực hiện tội phạm Lộc đã bán chiếc xe cho một người không quen biết tại TP Hà Nội, hiện tại cơ quan điều tra chưa thu giữ được và chiếc xe nhãn hiệu Dream mà Bị cáo Khanh đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đây là tài sản của bị cáo mua tại chợ xe cũ không rõ biển kiểm soát. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội K đã bán cho một người không quen biết đi thu mua sắt vụn, đến nay cơ quan điều tra chưa truy thu được. HĐXX xét thấy cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng không có kết quả nên không xem xét giải quyết.

[9]. Đối với những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

9.1. Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn anh trình bày rõ về trách nhiệm dân sự anh T là anh trai của bị cáo C số tiền 35.000.000đ anh tự nguyện bỏ ra thay mặt bị cáo để bồi thường cho gia đình bị hại là chị Bùi Thị N, anh có thỏa thuận với bị cáo là sau này ra tù sẽ trả dần cho anh và không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

9.2. Chị Trịnh Thị Lan H trình bày chị là vợ của bị cáo Trần Văn K, số tiền 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*), chị bồi thường cho bị hại Bùi Thị N là tự nguyện và số tiền đó là tiền tiết kiệm của bị cáo K, trong quá trình điều tra chồng chị là bị cáo K đã nhờ chị đứng ra để bồi thường hộ. Nay chị H không có ý kiến gì, nên HĐXX không xem xét.

9.3. Nguyễn Thị L trình bày chị là vợ của bị cáo L mọi việc bị cáo L làm chị không biết nên chị không có ý kiến gì. Chị L trình bày thêm việc chị và gia đình có lên gặp bị hại Bùi Thị N để bồi thường số tiền 4.000.000đ. Số tiền này chị xác định là tự nguyện cho bị cáo L và không có ý kiến gì khác, nên HĐXX không xem xét.

9.4. Đối với anh Nguyễn Bá N - sinh năm 1987, chủ cửa hàng sắt tổng hợp, hóa chất tại chợ Đ, huyện C, thành phố H là người đã 02 lần bán Axit cho Nguyễn Trọng L. Xét thấy, anh N không quen biết L và cũng không biết L mua Axit để thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập xử lý.

9.5. Đối với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, trú tại thôn 7, xã L, huyện P, Bình Phước, là chị gái của Nguyễn Văn C. T là người đã cho Nguyễn Văn C vay số tiền 2.200.000đ trước khi C thực hiện hành vi phạm tội và cho C mượn số tài khoản ngân hàng để Nguyễn Trọng L gửi số tiền 2.200.000đ tiền công L trả cho Cảnh từ việc tạt axit, sau đó T đã rút ra đưa cho C. Xét thấy Thẩm không liên quan đến quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo nên không đề cập xử lý.

9.6. Đối với Đỗ Anh Qn, sinh năm 1991, trú tại huyện C, TP Hà Nội là người đã cho Nguyễn Trọng L vay số tiền 5.000.000đ vào ngày 18/8/2019, xét thấy Q không biết L vay tiền nhằm mục đích gì nên không đề cập xử lý về trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa anh Q vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì. Nên HĐXX không xem xét hợp đồng vay tiền giữa anh Q và bị cáo L.

[10]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm đ, e, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng L.

Căn cứ điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn K.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trọng L, Nguyễn Văn C và Trần Văn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt: Nguyễn Trọng L 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2019.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2019.

Xử phạt: Trần Văn K 24 (hai tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 590 Bộ luật dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận của Bị cáo L và bị cáo C đối với bị hại là chị Nguyễn Thị T, cụ thể: Bị cáo L phải bồi thường cho chị T là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); Bị cáo C phải bồi thường cho chị T 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo C đối với bị hại là chị Bùi Thị N, cụ thể: Bị cáo C phải bồi thường cho chị N tổng số tiền 42.489.500đ. (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Bị cáo L phải bồi thường cho chị Bùi Thị N tổng số tiền: 100.939.500đ. (*Một trăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Bùi Thị N là: yêu cầu buộc bị cáo Nguyễn Trọng L phải có trách nhiệm nuôi 02 con của chị N đến khi đủ 18 tuổi.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng L:

- Một (01) căn cước công dân số: 001069010349 mang tên Nguyễn Trọng L, sinh ngày 20/5/1969.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

- Một (01) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt trước điện thoại màu trắng, mặt sau màu vàng. Số hiệu OPPO F1S. Số Imei 1: 86389703638251. Số Imei 2: 86389703668244. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, màn hình có nhiều vết rạn nứt. Không kiểm tra tình trạng hoạt động và dữ liệu bên trong.

Tịch thu tiêu hủy:

- Một (01) đôi giày màu xanh đen loại có dây buộc, chân đế màu trắng, nút thắt dây thứ hai bên dưới lên của giày bên phải bị đứt.

- Một (01) quần dài chất liệu vải, màu xám, quần trong tình trạng bình thường.

- Một (01) áo sơ mi dài tay, chất liệu vải, màu xanh đen loại cúc bấm kim loại, cổ áo có thêu chữ VIP-MEN/Superslimfit màu vàng, áo trong tình trạng bình thường.

- Một (01) chiếc áo vải cộc tay màu xanh đen,

- Một (01) túi vải đỏ có dòng chữ "CANIFA",

- Một (01) tạp dề màu tím,

- Một (01) áo phông cộc tay màu xanh dương,

- Một (01) quần vải màu hồng,

- Một (01) cốc sứ màu trắng bị vỡ thành hai mảnh: một mảnh không rõ hình kích thước chiều dài nhất 10cm, kích thước đường kính 08cm, một mảnh không rõ hình, kích thước chiều dài nhất 14cm, chiều rộng nhất 07cm.

- Mẫu máu và tóc thu của Nguyễn Văn C, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn 7, xã L, huyện P, Bình Phước.

Bảo lưu theo hồ sơ vụ án (01) phong bì dán kín bên ngoài có dấu tròn đỏ của Viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an, bên trong có 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston 16GB.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 04/BB- GNVC ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa Công an huyện Cao Phong và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong).

Truy thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* đối bị cáo Trần Văn K.

Truy thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)* đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Trọng L phải chịu: 5.297.000đ *(Năm triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu: 2.375.000đ *(Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi xuất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại Trụ sở ủy ban nơi thường trú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người liên quan
- THADS huyện Cao Phong
- UBND xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.
- UBND xã Long Hà, Phú Riêng, Bình Phước.
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người liên quan
- THADS huyện Cao Phong
- UBND xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.
- UBND xã Long Hà, Phú Riềng, Bình Phước.
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Các hội thẩm nhân dân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người liên quan
- THADS huyện Cao Phong
- UBND xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.
- UBND xã Long Hà, Phú Riêng, Bình Phước.
- Lưu hồ sơ vụ án

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người liên quan
- THADS huyện Cao Phong
- UBND xã Thạch Yên.
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa